

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 20 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Khoa.

Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn V; tên gọi khác: không; Sinh ngày 07 tháng 7 năm 1997 tại xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nông Văn A (đã chết) và bà Hoàng Thị Y; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: 03 tiền án về Tội trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù theo bản án số 37/2017/HSST; ngày 04/9/2019, Tòa án nhân dân huyện T, xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 39/2019/HS-ST; ngày 11/5/2022, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 30 tháng tù theo bản án số 44/2022/HS-ST. Ngày 21/5/2024 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực huyện T, Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đoàn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Nông Quý N; tên gọi khác: không; Sinh ngày 01 tháng 5 năm 1997 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nông Quý P và bà Hoàng Thị B; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/12/2024 cho đến nay tại xóm G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đoàn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Lục Văn T (đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trộm cắp tài sản); tên gọi khác: không; Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1994 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lục Văn P (đã chết) và bà Đàm Thị R; Vợ: Nông Thị T; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2024 cho đến nay tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Bị hại:** Ông Phạm Quang H, sinh năm 1964; tạm trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Văn L, sinh năm 1979; tạm trú: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Mai Thị X, sinh năm 1977; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 8, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Nông Thị Diệu H, sinh năm 1997; nơi cư trú: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Mã Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn V, sinh năm 1997, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, ngày 21/5/2024 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương. Trong tháng 11 năm 2024, V đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại trang trại của ông Phạm Quang H và có Nông Quý N cùng thực hiện 02 vụ, cụ thể:

- *Vụ thứ nhất:* khoảng 09 giờ sáng ngày 06/11/2024, Nông Văn V một mình đi bộ lên khu vực trang trại của ông H, lấy trộm 01 máy hàn điện loại xách tay rồi đem về nhà cất giấu. V đem máy hàn điện ra cắm điện thử thì phát hiện máy hàn điện trên đã bị hỏng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, V bán máy hàn điện trên cho một người phụ nữ thu mua phế liệu, cân có 09 kg bán được 56.000 đồng. Số tiền có được Nông Văn V chi tiêu hết cho cá nhân. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận máy hàn điện có trị giá 60.163 đồng.

- *Vụ thứ hai:* khoảng 09 giờ sáng ngày 16/11/2024, V một mình đến trang trại ông H, lấy trộm 01 chiếc nồi nhôm bị thủng đáy rồi đem cất giấu vào bụi cây cách khu vực trang trại khoảng 300m. Sau đó, V mượn điện thoại của một người trong xóm gọi điện cho Nông Quý N đến đón và chở V bằng xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 053.78 đến lấy chiếc nồi mang đến xã Đ, huyện T bán cho chị Mã Thị N, sinh năm 1984, trú tại xóm K, xã Đ, huyện T, cân có khối lượng 12,5kg với giá 250.000 đồng. Khi đi, N hỏi về nguồn gốc nồi thì V nói "*đi tìm sắt vụn, người dân thấy hoàn cảnh khó khăn quá, cái nồi cũng đã bị hỏng nên cho không lấy tiền*". Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận chiếc nồi này có trị giá 416.662 đồng.

- *Vụ thứ ba:* khoảng 09 giờ sáng ngày 17/11/2024, V một mình đến trang trại ông H lấy trộm 01 chiếc nồi nhôm đem cất giấu. Sau đó, V mượn điện thoại của một người trong xóm gọi N đến đón và chở V bằng xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 053.78 đến lấy chiếc nồi, khi đến đoạn đường ngã ba thuộc xóm B, xã Đ, huyện T bán chiếc nồi cho ông Phan Văn L là người đi thu mua phế liệu. Chiếc nồi có khối lượng 12,5kg bán với giá 250.000 đồng. N hỏi về nguồn gốc chiếc nồi thì V nói "*bí tiền quá nên lấy của nhà đi bán, định đem đi Pò Tấu bán được giá hơn nhưng vác đi mệt quá nên gọi lấy xe để đưa đi*". Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận chiếc nồi này có trị giá 416.662 đồng.

- *Vụ thứ tư:* khoảng 12 giờ ngày 20/11/2024, V biết trong trang trại ông H còn tài sản. V rủ N cùng nhau đi trộm, N đồng ý và dùng xe máy chở V đến khu vực trang trại của ông H. N chờ ở bên ngoài để cảnh giới cho V. V một mình đột nhập vào phía bên trong khu vực chăn nuôi trộm 02 chiếc nồi nhôm (một cái loại to, một cái loại nhỏ). Sau đó, V và N đem đến khu vực chợ P, xã C, huyện T bán cho Nông Thị Diệu H, cân 02 chiếc nồi có khối lượng 14,5kg được 410.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận 02 chiếc nồi này có khối lượng 13,5kg, trị giá 449.996 đồng.

- *Vụ thứ năm:* khoảng 07 giờ sáng ngày 21/11/2024, V tiếp tục rủ N đến khu vực trang trại của ông H lấy trộm tài sản. Khi đến khu vực trang trại, N chờ ở ngoài để cảnh giới. V một mình đột nhập vào phía bên trong trang trại khu chuồng nuôi lợn lấy trộm 01 máy bơm nước. Sau đó, N chở V mang máy bơm đến nhà anh Lục

Văn Đ. Tại đây, V đi sang nhà Lục Văn T, sinh năm 1994, là người cùng xóm cạnh nhà anh Đ gọi T dậy và nói "*có cái máy bơm, anh xem thế nào*". T cùng V sang nhà anh Đ xem máy bơm. V nói với T "*máy này em lấy ở Đ nên anh không sợ đâu*". T hiểu ý V nói chiếc máy bơm là do trộm cắp được mà có nhưng nghĩ trộm cắp ở Đ nên không ai biết và thấy rẻ nên T quyết định mua. T trả giá chiếc máy bơm 500.000 đồng nhưng V không đồng ý, V nói với T "*máy này còn mới anh đưa em 600.000 đồng mới được*" lúc này N cũng đứng gần đây (trong phòng khách) nói bằng tiếng dân tộc tày "*phải 600.000 đồng mới được để chia nhau mỗi người 300.000 đồng*". T đồng ý mua, T đưa tiền cho N. Nhận được tiền V và N đi khỏi nhà anh Đ. T cầm máy bơm về nhà. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 máy bơm nước (máy bơm thả chìm) tại thời điểm định giá ngày 21/11/2024 là 2.200.000 đồng.

Toàn bộ số tiền bán nồi và máy bơm, V và N đều đến xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân. Sau khi mua ma túy, N và V chia ma túy cho nhau tự sử dụng.

Hồi 16 giờ 33 phút ngày 22/11/2024, Công an xã Đ tiến hành tạm giữ chiếc máy bơm nước tại nhà Lục Văn T.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn V, Nông Quý N, Lục Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định vị trí, lời khai người làm chứng, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại vật chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 15/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã trả lại cho bị hại Phạm Quang H 01 máy bơm nước (loại máy tøm) nhãn hiệu PANTIE SUBMERSIDLE PVUP có số Model QDX6 - 35 1.5; SN24050697, DATE: 5/2024, tình trạng máy đã qua sử dụng là đúng quy định của pháp luật. Đối với 04 chiếc nồi và 01 chiếc máy hàn điện không thu giữ được, bị hại Phạm Quang H không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 053.78 là xe của ông Nông Quý P (bố đẻ của N). Quá trình N lấy xe đi làm phương tiện phạm tội, ông P không biết. Nên Cơ quan điều tra không tạm giữ là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTK ngày 11 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố:

- Bị cáo Nông Văn V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bị cáo Nông Quý N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bị cáo Lục Văn T về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì khiếu nại trong quá trình điều tra.

Bị cáo V Khai: Do bản thân nghiện và lệ thuộc vào ma túy, để có tiền sử dụng ma túy trong tháng 11/2024 bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản là các nồi nhôm, máy hàn điện và máy bơm tại trang trại của ông Phạm Quang H ở xóm B, xã Đ. Trong đó có 02 lần trộm cắp vào ngày 20 và 21/11/2024 bị cáo có rủ Nông Quý N cùng thực hiện. Mục đích bị cáo lấy trộm tài sản là để đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng.

Bị cáo N khai: Bị cáo có mối quan hệ quen biết với bị cáo Nông Văn V, vào chiều ngày 20 và sáng ngày 21/11/2024 V có rủ bị cáo đi cùng trộm cắp tài sản tại trang trại của ông Phạm Quang H ở xóm B, xã Đ. Cả hai lần trộm cắp tài sản thì bị cáo đều làm nhiệm vụ cảnh giới còn V là người trực tiếp đi vào trong trang trại của ông H lấy trộm tài sản. Mục đích bị cáo đi cùng V lấy trộm tài sản là để đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng.

Bị cáo T khai: Vào sáng ngày 21/11/2024, khi bị cáo đang ngủ ở nhà thì có Nông Văn V sang nhà gọi dậy và nói "*có cái máy bơm, anh xem thế nào*". Nghe V nói vậy nên bị cáo đi cùng V sang nhà anh Đ xem. V nói với bị cáo "*máy này em lấy ở Đ nên anh không sợ đâu*". Bị cáo hiểu ý V nói chiếc máy bơm là do trộm cắp được mà có nhưng nghĩ trộm cắp ở Đ nên không ai biết và thấy rẻ nên đã quyết định mua với giá 600.000 đồng. Số tiền mua máy bơm bị cáo không đề nghị trả lại.

Tại Cơ quan điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại ông Phạm Quang H khai: Vào khoảng 20 giờ ngày 20/11/2024 tôi phát hiện trang trại của tôi tại xóm B, xã Đ đã bị kẻ gian vào lấy trộm 04 nồi nấu rượu, 01 máy hàn điện và 01 máy bơm nước. Nay Cơ quan Công an đã tạm giữ được chiếc máy bơm và đã trả lại cho tôi, còn 04 nồi nấu rượu và 01 máy hàn không thu hồi được. Đối với các tài sản không thu hồi được thì tôi cũng không yêu cầu các đối tượng trộm cắp phải bồi thường vì tôi thấy họ cũng không có khả năng bồi thường nếu tôi có yêu cầu. Về hình phạt: đề nghị xử lý các đối tượng trộm cắp tài sản của tôi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L khai: Tôi đến xã Đ làm công việc thu mua phế liệu từ năm 2023 đến nay. Ngày 16/11/2024 tôi có được thu mua 01 cái nồi nhôm to loại 60 - 70 lít, nồi không có vung và bị thủng đáy với hai nam giới không quen biết khoảng 30 tuổi tại ngã ba khu vực giáp ranh xóm B với xóm B, khi cân cái nồi có trọng lượng 12,5kg và tôi có trả cho họ số tiền 250.000 đồng. Khi mua chiếc nồi tôi không biết là tài sản do trộm cắp vì nồi đã hỏng. Một ngày sau tôi đã bán chiếc nồi nên hiện tôi không biết chiếc nồi đang ở đâu. Số tiền 250.000 đồng tôi không yêu cầu trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mã Thị N khai: Vào chiều ngày 16/11/2024 tôi có mua 01 cái nồi nhôm với 02 người đàn ông không quen biết, loại nồi khoảng 60 - 70 lít không có nắp, nồi thủng đáy. Khi cân thì cái nồi có trọng lượng 12,5kg và tôi có trả cho họ số tiền 250.000 đồng. Sau đó tôi đã bán lại cái nồi

nhôm cho xe ô tô đi thu mua phế liệu vào sáng ngày 22/11/2024. Số tiền 250.000 đồng tôi không yêu cầu trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị Diệu H khai: Vào chiều ngày 20/11/2024 tôi có mua 02 cái nồi nhôm với 02 người đàn ông không quen biết, loại nồi khoảng 60 - 70 lít không có nắp. Khi cân thì 02 cái nồi có trọng lượng 14,5kg và tôi có trả cho họ số tiền 410.000 đồng. Sau đó tôi đã bán lại 02 cái nồi nhôm cho cơ sở thu mua phế liệu của cô X vào khoảng 12 giờ trưa ngày 22/11/2024. Số tiền 410.000 đồng tôi không yêu cầu trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị X khai: Tôi làm công việc thu mua phế liệu trên địa bàn huyện T, vào khoảng 12 giờ trưa ngày 22/11/2024 tôi có được mua 02 cái nồi nhôm với chị Nông Thị Diệu H loại nồi khoảng 60 - 70 lít không có nắp. Sau khi mua được 02 cái nồi nhôm nói trên tôi đã bán lại cho xe đi thu mua phế liệu từ nơi khác đến vào chiều cùng ngày. Số tiền mua 02 nồi nhôm tôi không yêu cầu trả lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn V. Xử phạt bị cáo V từ 30 - 36 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Quý N. Xử phạt bị cáo Nhân từ 06 - 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lục Văn T. Xử phạt bị cáo T từ 06 - 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét; Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo; Về án phí: Các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N, bà Đoàn Thị T trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng tôi nhất trí như kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đây là vụ án ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, tuổi đời các bị cáo còn trẻ. Đối với bị cáo V sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hoàn cảnh gia đình éo le, bố mẹ sống ly thân, hiện nay bố bị cáo đã chết, thiếu tình thương của bố mẹ, không được ăn học đầy đủ nên dẫn đến hành vi phạm tội. Đối với bị cáo N sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thiếu tu dưỡng rèn luyện, nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, riêng bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt không lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xử phạt các bị cáo ở mức thấp

nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N không có ý kiến bào chữa bổ sung, không tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát; Bị cáo Lục Văn T không có ý kiến tranh luận, chỉ đề Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm phạm tội và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Nông Văn V, sinh năm 1997, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng là đối tượng nghiện chất ma túy, có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Trong tháng 11 năm 2024, V đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại trang trại của ông Phạm Quang H tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

- Ngày 06/11/2024, V lấy trộm 01 máy hàn điện 09kg loại xách tay có trị giá 60.163 đồng;
- Ngày 16/11/2024, V lấy trộm 01 nồi nhôm có trị giá 416.662 đồng;
- Ngày 17/11/2024, V lấy trộm 01 nồi nhôm có trị giá 416.662 đồng;
- Ngày 20/11/2024, V lấy trộm 02 nồi nhôm có trị giá 449.996 đồng;
- Ngày 21/11/2024, V lấy trộm 01 máy bơm nước có trị giá 2.200.000 đồng.

Trong đó, Nông Quý N, sinh năm 1997, trú tại xóm G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng được cùng Nông Văn V thực hiện trộm cắp tài sản 02 vụ vào ngày 20 và 21/11/2024.

Ngày 21/11/2024, Nông Văn V và Nông Quý N bán chiếc máy bơm cho Lục Văn T, sinh năm 1994, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm mua bán, Lục Văn T biết rõ chiếc máy bơm nước là tài sản do Nông Văn V và Nông Quý N trộm cắp mà có.

Tổng trị giá tài sản Nông Văn V trộm cắp là 3.543.483 đồng; của Nông Quý N trộm cắp là 2.649.996 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo V, N có ý thức che giấu, lén lút, lợi

dụng lúc bị hại vắng nhà để trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì mắc nghiện và lệ thuộc vào ma túy nên bất chấp thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nông Văn V đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nông Quý N trộm cắp tài sản có giá trị 2.649.996 đồng, đây là tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi của các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo T: Bị cáo biết rõ tài sản mua với V và N là do phạm tội mà có; khi thực hiện hành vi mua tài sản thì bị cáo T đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội. Bị cáo nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì ham rẻ nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi phạm tội bị cáo Vĩnh chưa được xóa án tích, tuy nhiên tình tiết này đã bị áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm theo hướng có lợi cho bị cáo là có căn cứ. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cả ba bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N và T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn V có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, điều đó thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo, bản thân sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Nông Quý N chưa có tiền án, tiền sự nhưng bản thân sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy nên các bị cáo V và N đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Lục Văn T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong quá trình phạm tội, các bị cáo V và N đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo V là người khởi xướng rủ bị cáo N cùng thực hiện, bản thân bị cáo V cũng là người thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản hơn, trực tiếp thực hiện việc lấy trộm tài sản, bị truy tố và xét xử theo khoản có khung hình phạt nặng hơn còn bị cáo N chỉ giữ vai trò là người giúp sức, làm nhiệm vụ cảnh giới nên bị cáo V phải chịu mức án cao hơn bị cáo N là có căn cứ. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy rằng cần thiết phải xử nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe các bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo T: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trước lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nên là người có nhân thân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không nhất thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta. Việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Đề nghị của Kiểm sát viên, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Phạm Quang H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; bị cáo T không yêu cầu xem xét đối với số tiền 600.000 đồng đã bỏ ra để mua máy bơm với các bị cáo V, N. Xét thấy, đây là sự tự nguyện định đoạt về tài sản của ông H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bị cáo T nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét. Sau này nếu có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo V, N là người sử dụng ma túy, không có công việc có thu nhập ổn định; bị cáo T làm nghề trồng trọt không có công việc có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để bảo đảm thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6] Nhận định khác: Đối với Mã Thị N, Nông Thị Diệu H, Phan Văn L khi mua nôi với V và N, không biết được tài sản do trộm cắp được mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc trả lại vật chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 15/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã trả lại cho bị hại Phạm Quang H 01 máy bơm nước (loại máy tôm) nhãn hiệu PANTIE SUBMERSIBLE PVUP có số Model QDX6 - 35 1.5; SN24050697, DATE: 5/2024, tình trạng máy đã qua sử dụng là đúng quy định của pháp luật. Đối với 04 chiếc nồi và 01 chiếc máy hàn điện không thu giữ được, bị hại Phạm Quang H không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N và Lục Văn T là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn V.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Quý N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo đối với Lục Văn T.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lục Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn V 30 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 22/11/2024.

- Xử phạt bị cáo Nông Quý N 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 20/3/2025.

- Xử phạt bị cáo Lục Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/3/2025.

Giao bị cáo Lục Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn V, Nông Quý N và Lục Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Đ (bằng TB);
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng